

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính quý cho kỳ ba tháng
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Madhur Maini
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		17.127.119	12.541.434	6.227.192	2.291.494
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	13.467.138	9.573.593	5.282.533	1.510.736
Tiền	111		1.754.994	175.717	40.325	23.284
Các khoản tương đương tiền	112		11.712.144	9.397.876	5.242.208	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn	120	9	1.555.500	1.222.500	388.000	373.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	1.092.428	903.317	531.963	387.496
Phải thu khách hàng	131		153.114	193.615	-	-
Trả trước cho người bán	132		466.764	363.633	89.534	57.977
Phải thu khác	135		473.471	347.153	442.429	329.519
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(921)	(1.084)	-	-
Hàng tồn kho	140	5	802.075	612.845	-	-
Hàng tồn kho	141		816.881	625.746	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.806)	(12.901)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		209.978	229.179	24.696	20.262
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.597	129.695	547	1.391
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		107.974	55.418	22.240	17.739
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	103	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		17.407	43.963	1.909	1.132

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2012	31/12/2011	31/3/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		22.210.197	21.031.185	22.489.932	22.289.000
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	2.925.877	2.762.294
Phải thu dài hạn khác	211		-	-	2.925.877	2.762.294
Tài sản cố định	220		12.237.887	11.287.505	36.563	19.201
Tài sản cố định hữu hình	221	6	910.975	879.199	13.585	14.317
<i>Nguyên giá</i>	222		1.269.069	1.196.701	16.707	16.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(358.094)	(317.502)	(3.122)	(2.202)
Tài sản cố định vô hình	227	7	952.446	983.239	1.332	1.316
<i>Nguyên giá</i>	228		1.022.114	1.021.469	1.547	1.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(69.668)	(38.230)	(215)	(135)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	10.374.466	9.425.067	21.646	3.568
Đầu tư dài hạn	250	9	9.413.036	9.321.085	19.490.421	19.490.421
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	252		9.413.036	9.321.085	8.932.424	8.932.424
Tài sản dài hạn khác	260		559.274	422.595	37.071	17.084
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	226.648	88.066	27.387	7.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	28.226	24.798	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		34.414	32.626	9.684	9.684
Lợi thế thương mại	269	12	269.986	277.105	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		39.337.316	33.572.619	28.717.124	24.580.494

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

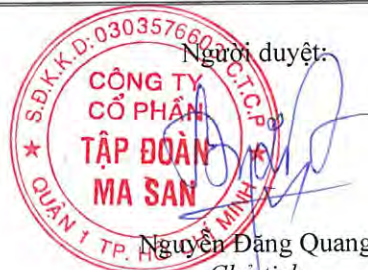
	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2012	31/12/2011	31/3/2012	31/12/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.329.597	12.017.587	11.013.948	6.821.280
Nợ ngắn hạn	310		3.252.450	3.625.783	3.392.256	3.237.125
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.616.480	2.032.397	2.630.000	2.630.000
Phải trả người bán	312		469.565	422.772	2.167	523
Người mua trả tiền trước	313		27.816	7.994	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	202.100	291.359	5.143	5.193
Phải trả nhân viên	315		3.005	12.618	-	-
Chi phí phải trả	316	15	927.728	824.384	402.047	339.697
Phải trả khác	319		4.129	34.259	352.899	261.712
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.627	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		14.077.147	8.391.804	7.621.692	3.584.155
Nợ dài hạn khác	333		-	-	427.492	256.195
Vay và nợ dài hạn	334	16	13.063.047	7.409.781	7.194.200	3.327.960
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	1.005.746	973.459	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	8.354	8.564	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.227.372	15.875.652	17.703.176	17.759.214
Vốn chủ sở hữu	410		16.227.372	15.875.652	17.703.176	17.759.214
Vốn cổ phần	411	18	5.152.723	5.152.723	5.152.723	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	2.166.136	2.166.136	2.166.136	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	19	10.462.804	10.462.804	10.462.804	10.462.804
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(14.291)	(16.066)	-	-
Vốn khác	418		(6.569.981)	(6.569.981)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.029.981	4.680.036	(78.487)	(22.449)
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.780.347	5.679.380	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		39.337.316	33.572.619	28.717.124	24.580.494

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	20	1.605.084	1.338.940	-	-
Các khoản giảm trừ	02	20	(67.531)	(13.018)	-	-
Doanh thu thuần	10	20	1.537.553	1.325.922	-	-
Giá vốn hàng bán	11	21	(978.495)	(758.816)	-	-
Lợi nhuận gộp	20		559.058	567.106	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	361.606	186.891	289.796	86.995
Chi phí tài chính	22	23	(117.290)	(139.299)	(329.381)	(104.528)
Chi phí bán hàng	24		(224.387)	(176.128)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(112.791)	(43.056)	(16.453)	(7.715)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh			466.196	395.514	(56.038)	(25.248)
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	24	4.769	7.187	-	-
Chi phí khác	32	25	(8.774)	(6.586)	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	26	91.951	37.782	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		554.142	433.897	(56.038)	(25.248)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		(75.267)	(45.039)	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(28.859)	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang sang trang sau)	60		450.016	388.858	(56.038)	(25.248)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang từ trang trước sang)			450.016	388.858	(56.038)	(25.248)
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		100.071	51.040	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		349.945	337.818	(56.038)	(25.248)
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	27	516	656	-	-

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Đã

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn	
			Giá định ⁽¹⁾	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu	01	20	1.605.084	1.338.940
Các khoản giảm trừ	02	20	(67.531)	(13.018)
Doanh thu thuần	10	20	1.537.553	1.325.922
Giá vốn hàng bán	11	21	(978.495)	(758.816)
Lợi nhuận gộp	20		559.058	567.106
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	361.606	186.891
Chi phí tài chính	22	23	(117.290)	(139.299)
Chi phí bán hàng	24		(224.387)	(176.128)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(69.659)	(43.056)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			509.328	395.514
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	24	4.769	7.187
Chi phí khác	32	25	(8.774)	(6.586)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	26	236.023	180.475
Lợi nhuận trước thuế	50		741.346	576.590
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		(75.267)	(45.039)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(31.483)	-
Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau)	60		634.596	531.551

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn	
			Giá định ⁽¹⁾	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần (mang từ trang trước sang)			634.596	531.551
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		100.071	51.040
Chủ sở hữu của Công ty	62		534.525	480.511
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	27	788	935
<hr/>				

(1)

- (a) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank trong kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 và 2011 và giá định Masan Group đã sở hữu 30,61% lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Techcombank kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011.
- (b) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và tài sản cố định vô hình từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho trong kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	-	811.091	-	811.091
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ công ty con	-	-	-	-	276.351	-	276.351	1.797.329	2.073.680
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(26,925)	-	-	(26,925)	(14,498)	(41,423)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	337,818	337,818	51,040	388,858
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(23,736)	(8,785,731)	3,049,824	12.022.020	3,358,674	15,380,694

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	1.775	-	-	1.775	896	2.671
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	349.945	349.945	100.071	450.016
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(14.291)	(6.569.981)	5.029.981	16.227.372	5.780.347	22.007.719

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	200.184	17.170.756
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(25.248)	(25.248)
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	811.091
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	174.936	17.956.599
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(22.449)	17.759.214
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(56.038)	(56.038)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2012	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(78.487)	17.703.176

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận /(lỗ) trước thuế	01		554.142	433.897	(56.038)	(25.248)
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		83.626	29.503	3.014	547
Các khoản dự phòng	03		2.353	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	12.131	-	12.131
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		2.790	9	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(349.279)	(135.034)	(289.796)	(36.239)
Chi phí lãi vay	06		112.428	83.947	327.487	51.493
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(91.951)	(37.782)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		314.109	386.671	(15.333)	2.684
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(108.206)	(247.041)	(99.079)	(155.248)
Biến động hàng tồn kho	10		(191.500)	(39.379)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		49.578	85.334	(1.059)	39.140
			63.981	185.585	(115.471)	(113.424)
Tiền lãi vay đã trả	13		(33.271)	(37.954)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(160.584)	(114.788)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		1.627	(3.744)	-	-
Tiền thuần chi cho/(thu từ) các hoạt động kinh doanh	20		(128.247)	29.099	(115.471)	(113.424)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.168.911)	(163.864)	(40.362)	(1.021)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		650	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(1.413.200)	(771.000)	-	(500.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		1.095.200	-	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		-	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Tiền đầu tư trái phiếu	25		(48.000)	-	(48.000)	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	25		33.000	-	33.000	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		285.704	110.106	76.390	38.399
Tiền thuần chi cho/ (thu từ) các hoạt động đầu tư	30		(1.215.557)	(1.824.758)	21,028	(1.462.622)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	2.102.529	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		6.120.277	382.982	3.866.240	2.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(882.928)	(405.225)	-	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		5.237.349	2.080.286	3.866.240	2.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.893.545	284.627	3.771.797	423.954
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	23.966	-	23.959
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	13.467.138	3.703.168	5.282.533	1.485.174

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/3/2011 Triệu VND
Chi phí đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	811.091	-	811.091

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eric

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/3/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược (*)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San)	Kinh doanh và phân phối	76,5%	76,5%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	76,5%	76,5%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	76,5%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	76,5%	76,5%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	76,5%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	72,3%	72,3%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	76,5%	76,5%
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	38,4%	38,4%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/3/2012	31/12/2011
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	65%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	65%	65%

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thuộc Được không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iii) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cản trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Phí vay

Chi phí nợ gốc vay phát sinh liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên năm hạn vay.

(v) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo thời gian hữu dụng trong vòng hai năm.

(vi) Phí nâng cấp trang web

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong quỹ dự trữ khác trong vốn chủ sở hữu.

(q) *Doanh thu*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) *Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) *Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) *Lãi trên cổ phiếu*

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt	3.683	2.804	542	432
Tiền gửi ngân hàng	1.751.311	172.913	39.783	22.852
Các khoản tương đương tiền	11.712.144	9.397.876	5.242.208	1.487.452
	<u>13.467.138</u>	<u>9.573.593</u>	<u>5.282.533</u>	<u>1.510.736</u>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VND lần lượt tương đương 5.482.851 triệu VND (31/12/2011: 2.334.375 triệu VND) và VND1.816.010 triệu VND (31/12/2011: 199.750 triệu VND).

4. Phải thu khác

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	291.067	232.399	328.785	266.265
Lãi trích trước phải thu từ:				
• Ngân hàng	62.763	44.022	11.071	4.931
• Đầu tư trái phiếu	27.433	13.757	27.433	13.757
Các dịch vụ phải thu	41.952	44.566	41.952	44.566
Phải thu khác	50.256	12.409	33.188	-
	<u>473.471</u>	<u>347.153</u>	<u>442.429</u>	<u>329.519</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại	291.067	230.446	291.067	230.446
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	1.953	37.718	35.819
Phi thương mại – dài hạn	-	-	2.925.877	2.762.294

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, các khoản vay dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan của Công ty là 2.925.877 triệu VND gồm:

- Khoản vay dài hạn không có đảm bảo cho công ty con, chịu lãi suất năm 16% và được hoàn trả trong tám năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Phí duy trì khoản vay với lãi suất 15% một năm cho hạn mức khoản vay không có đảm bảo cho công ty con;
- Một khoản cấp vốn cho các công ty con không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Tập đoàn</u>
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	1.084	705
Tăng dự phòng trong kỳ	83	379
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(246)	-
Số dư cuối kỳ	921	1.084

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng hoặc đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo điều kiện hợp đồng. Đối với những khách hàng có khả năng tín dụng tốt, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn và Công ty lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phản ánh ước tính các khoản lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

5. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	15.048	31.028	-	-
Nguyên vật liệu	575.517	409.748	-	-
Công cụ và dụng cụ	1.471	1.152	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.258	64.939	-	-
Thành phẩm	164.587	118.879	-	-
	816.881	625.746	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.806)	(12.901)	-	-
	802.075	612.845	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	12.901	6.347
Tăng dự phòng trong kỳ	2.270	86.491
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(365)	(79.937)
Số dư cuối kỳ	14.806	12.901

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa và cấu trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	244.496	21.562	38.917	860.263	31.463	1.196.701
Tăng trong kỳ	236	-	7.581	30.866	4.297	42.980
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.965	-	79	31.960	74	34.078
Thanh lý	(253)	-	(223)	(4.214)	-	(4.690)
Số dư cuối kỳ	246.444	21.562	46.354	918.875	35.834	1.269.069
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	35.162	6.157	15.967	246.934	13.282	317.502
Khấu hao trong kỳ	4.064	1.325	2.393	33.851	1.109	42.742
Thanh lý	(113)	-	(106)	(1.931)	-	(2.150)
Số dư cuối kỳ	39.113	7.482	18.254	278.854	14.391	358.094
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	209.334	15.405	22.950	613.329	18.181	879.199
Số dư cuối kỳ	207.331	14.080	28.100	640.021	21.443	910.975

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 43.468 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (31/12/2011: 39.221 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 23.946 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (31/12/2011: 23.946 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 7.914 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 (31/12/2011: 7.914 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình là 312.378 triệu VND (31/12/2011: 312.378 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Công ty

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Dụng cụ văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	14.896	1.623	16.519
Tăng trong kỳ	-	188	188
Số dư cuối kỳ	14.896	1.811	16.707
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.830	372	2.202
Khấu hao trong kỳ	784	136	920
Số dư cuối kỳ	2.614	508	3.122
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	13.066	1.251	14.317
Số dư cuối kỳ	12.282	1.303	13.585

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

7. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Nhãn hiệu	Quan hệ khách hàng	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	142.625	13.762	544.435	320.647	1.021.469
Tăng trong kỳ	-	645	-	-	645
Số dư cuối kỳ	142.625	14.407	544.435	320.647	1.022.114
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12.053	6.067	9.422	10.688	38.230
Khấu hao trong kỳ	862	916	13.628	16.032	31.438
Số dư cuối kỳ	12.915	6.983	23.050	26.720	69.668
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	130.572	7.695	535.013	309.959	983.239
Số dư cuối kỳ	129.710	7.424	521.385	293.927	952.446

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 55.088 triệu VND (31/12/2011: 55.088 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

Công ty

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.451
Tăng trong kỳ	96
Số dư cuối kỳ	1.547
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	135
Khấu hao trong kỳ	80
Số dư cuối kỳ	215
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.316
Số dư cuối kỳ	1.332

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/3/2012 Triệu VND	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 31/12/2011 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	9.425.067	7.616.520	3.568	1.569
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	4.273	-	-
Tăng trong kỳ	983.477	2.028.436	18.078	16.895
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(34.078)	(222.070)	-	(14.896)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.092)	-	-
Số dư cuối kỳ	10.374.466	9.425.067	21.646	3.568

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 93.593 triệu VND (2011: 198.437 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

9. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	9.413.036	9.321.085	8.932.424	8.932.424
	<u>9.413.036</u>	<u>9.321.085</u>	<u>19.490.421</u>	<u>19.490.421</u>
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn (b)	388.000	373.000	388.000	373.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (b)	1.167.500	849.500	-	-
	<u>1.555.500</u>	<u>1.222.500</u>	<u>388.000</u>	<u>373.000</u>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	8.400.824	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	<u>10.557.997</u>	<u>10.557.997</u>

(a) Khoản đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư 30,61% vào lợi ích vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) tại ngày 31 tháng 3 năm 2012.

(b) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày giao dịch. Trong kỳ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 13% (2011: 14%).

Đầu tư trái phiếu ngắn hạn phản ánh khoản đầu tư vào ba trái phiếu không được chuyển đổi và những trái phiếu này không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và đáo hạn trong vòng một năm.

Tập đoàn có dự định và khả năng nắm giữ các khoản đầu tư vào các công cụ nợ cho đến khi đáo hạn. Giá trị ghi sổ của các công cụ nợ phản ánh mức rủi ro tín dụng tối đa. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Phí bảo hiểm Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	56.796	2.346	610	3.419	6.720	17.495	680	88.066
Tăng trong kỳ	-	-	795	4.096	22.000	127.480	-	154.371
Phân bổ trong kỳ	-	(10)	-	(382)	(1.878)	(12.483)	(136)	(14.889)
Thanh lý	-	-	(650)	(250)	-	-	-	(900)
Số dư cuối kỳ	56.796	2.336	755	6.883	26.842	132.492	544	226.648

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	6.720	680	7.400
Tăng trong kỳ	22.000	-	22.000
Phân bổ trong kỳ	(1.878)	(135)	(2.013)
Số dư cuối kỳ	26.842	545	27.387

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

11. Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:				
Dự phòng phải thu khó đòi	-	206	-	-
Chiết khấu hàng bán phải trả	6.021	17.469	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	14.678	21.740	-	-
Chi phí vận chuyển phải trả	6.694	7.426	-	-
Chi phí phải trả khác	5.487	5.519	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.356	3.591	-	-
Trừ đi: cần trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(15.010)	(31.153)	-	-
	28.226	24.798	-	-
Nợ thuế thu nhập hoãn lại:				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	(12.439)	(12.808)	-	-
Tài sản cố định vô hình	(104.530)	(106.785)	-	-
Phải thu khác	-	(3.533)	-	-
Thu nhập lãi phải thu trích trước	(152.766)	(130.465)	-	-
Trừ đi: cần trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.010	31.153	-	-
	(1.005.746)	(973.459)	-	-
	(977.520)	(948.661)	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

12. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	284.728
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.623
Khấu hao trong kỳ	7.119
Số dư cuối kỳ	14.742
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	277.105
Số dư cuối kỳ	269.986

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay ngắn hạn	882.811	1.298.728	2.000.000	2.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	733.669	733.669	630.000	630.000
	1.616.480	2.032.397	2.630.000	2.630.000

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền tệ	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	860,694	1,298,728	-	-
Tiền Đô la Mỹ	22,117	-	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	2.000.000	2.000.000
	882,811	1.298.728	2.000.000	2.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản vay từ một công ty con của Công ty không có bảo đảm, lãi suất năm là 18% và phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.315	202.630	-	-
Thuế giá trị gia tăng	33.763	41.071	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	15.863	14.810	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.847	11.580	1.621	2.159
Các loại thuế khác	22.312	21.268	3.522	3.034
	202.100	291.359	5.143	5.193

15. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	180.714	177.364	-	-
Lãi vay phải trả	454.564	253.095	338.755	244.954
Chiết khấu hàng bán	24.086	69.876	-	-
Chi phí vận chuyển	23.279	29.703	-	-
Thưởng và lương tháng 13	12.933	50.755	-	1.470
Phí tư vấn	29.110	104.942	26.882	66.056
Phải trả cho xây dựng công trình	149.823	42.500	-	-
Thuế nhà thầu	33.136	33.273	33.136	27.217
Các khoản khác	20.083	62.876	3.274	-
	927.728	824.384	402.047	339.697

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	5.116.752	3.329.726	2.000.000	2.000.000
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi (b)	5.824.200	1.957.960	5.824.200	1.957.960
	13.796.716	8.143.450	7.824.200	3.957.960
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(733.669)	(733.669)	(630.000)	(630.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	13.063.047	7.409.781	7.194.200	3.327.960

a. Vay dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/3/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	1.141.272	1.080.302	-	-
Tiền Đô la Mỹ	3.975.480	2.249.424	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	2.000.000	2.000.000
	5.116.752	3.329.726	2.000.000	2.000.000

Vay từ công ty con là không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 18% và phải trả theo phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

b. Khoản tăng trong trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi bao gồm:

- Khoản vay chuyển đổi trị giá 80 triệu USD có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá 85.000 VND một cổ phiếu, dựa trên sự điều chỉnh và các điều khoản khác của hợp đồng và có mức lãi suất năm là 5% thanh toán theo định kỳ 6 tháng trong năm đầu và tăng lên thành 6% cho năm thứ 2 và thứ 3, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại phải được trả nếu quyền chọn chuyển đổi không được thực hiện dựa trên hợp đồng.
- Các trái phiếu với tổng trị giá 2.200 tỷ VND được đảm bảo bằng các trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Techcombank và có mức lãi suất năm 15% thanh toán theo định kỳ 6 tháng. Riêng biệt, Công ty cũng phát hành các quyền chọn mua tương ứng với 2.200 tỷ VND để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá mua là 100.000 VND hoặc 120.000 VND dựa trên sự điều chỉnh và các điều khoản khác của hợp đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Tập đoàn	
	31/3/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	8.564	4.552
Mua lại từ hợp nhất kinh doanh	-	2.805
Số trích lập dự phòng trong kỳ	(210)	1.855
Số sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(648)
Số dư cuối kỳ	8.354	8.564

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

18. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.166.136	-	2.166.136

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

19. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành như việc xem xét mua lại lợi ích liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	1.605.084	1.338.931	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	-	9	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(55.352)	(4.971)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.179)	(8.047)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.537.553	1.325.922	-	-

21. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	976.224	758.816	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.271	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	978.495	758.816	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	302.891	110.456	80.976	13.384
• Đầu tư trái phiếu	15.230	4.900	15.230	4.900
• Công ty con vay	-	-	162.432	17.955
• Thu lại từ Công ty mẹ	31.158	26.797	31.158	26.797
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.786	24.906	-	23,959
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.541	19.832	-	-
	361.606	186.891	289.796	86.995

23. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	47.346	37.954	-	-
• Các trái chủ	65.082	45.993	65.082	45.993
• Công ty con	-	-	262.405	5.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.160	38.407	16	36.090
Chi phí tài chính khác	2.702	16.945	1.878	16.945
	117.290	139.299	329.381	104.528

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

24. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	650	-	-	-
Thu từ bán phế liệu	3.624	7.187	-	-
Thu nhập khác	495	-	-	-
	4.769	7.187	-	-

25. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định đã thanh lý	3.438	9	-	-
Chi phí bán phế liệu	5.217	6.577	-	-
Phạt thuế	14	-	-	-
Chi phí khác	105	-	-	-
	8.774	6.586	-	-

26. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011 Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	236.023	181.831	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(144.072)	(144.049)	-	-
	91.951	37.782	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (tiếp theo)

27. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 349.945 triệu VND (kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011: 337.818 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 678.665.974 cổ phiếu (kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011: 515.272.269 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	349.945	337.818

(ii) *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành*

	Từ 1/1/2012 đến 31/3/2012	Từ 1/1/2011 đến 31/3/2011
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	515.272.269	515.272.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	163.393.705	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	678.665.974	515.272.269

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang



Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch

Quang